

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HS-ST

Ngày: 24-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoài Sơn

Ông Đoàn Văn Hà

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái: Ông Lương Xuân Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 08/5/2018 đối với các bị cáo:

1. Lý Văn X (tên hội khác: S) sinh ngày 12 tháng 8 năm 1991. Tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lý Quang V, sinh năm 1953 và bà Đặng Thị M, sinh năm 1961; Bị cáo có vợ là: Triệu Thị T, sinh năm 1993 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh số 15/LCĐKNCT ngày 23/2/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, hiện tại ngoại tại thôn T, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Có mặt.

2. Lý Văn S, sinh ngày 20 tháng 3 năm 1987. Tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lý Văn T (đã chết) và bà Trần Thị N, sinh năm 1961; Bị cáo có vợ là: Đặng Thị C, sinh năm 1990 và 03 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh số 03/LCĐKNCT ngày 23/2/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, hiện tại ngoại tại thôn T, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Có mặt.

3. Lý Văn T, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1988. Tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lý Quang V, sinh năm 1953 và bà Đặng Thị M, sinh năm 1961; Bị cáo có vợ là: Bàn Thị T, sinh năm 1988 và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh số 14/LCĐKNCT ngày 23/2/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, hiện tại ngoại tại thôn T, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Có mặt.

4. Bàn Văn V, sinh ngày 23 tháng 9 năm 1984. Tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bàn Văn L (bố dượng) và bà Lý Thị T, sinh năm 1960; Bị cáo có vợ là: Lý Thị N, sinh năm 1983 và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/2/2018 đến ngày 05/2/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” sau đó bỏ trốn. Ngày 10/4/2018 bị bắt theo Quyết định truy nã – Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái – Có mặt.

5. Lý Văn T, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1994. Tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lý Văn L, sinh năm 1975 và bà Lý Thị L, sinh năm 1976; Bị cáo có vợ là: Đặng Thị T, sinh năm 1993 và 01 con sinh năm 2017; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh số 17/LCĐKNCT ngày 21/3/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, hiện tại ngoại tại thôn T, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Có mặt.

6. Đặng Văn T, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1985. Tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn T, sinh năm 1965 và bà Trần Thị T, sinh năm 1966; Bị cáo có vợ là: Lý Thị Đ, sinh năm 1988 và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/2/2018 đến ngày 05/2/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh số 05/LCĐKNCT ngày 05/2/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, hiện tại ngoại tại thôn T, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Có mặt.

7. Lý Văn Q, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1986. Tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn R, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lý Văn S, sinh năm 1945 và bà Đặng Thị N, sinh năm 1947; Bị cáo có vợ là: Đặng Thị T, sinh năm 1988 và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/2/2018 đến ngày 05/2/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh số 08/LCĐKNCT ngày 05/2/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, hiện tại ngoại tại thôn R, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Có mặt.

8. Lý Văn S, sinh ngày 21 tháng 12 năm 1980. Tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn R, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lý Văn S, sinh năm 1945 và bà Đặng Thị N, sinh năm 1947; Bị cáo có vợ là: Trương Thị T, sinh năm 1979 và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/2/2018 đến ngày 05/2/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh số 07/LCĐKNCT ngày 05/2/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện

Văn Yên, hiện tại ngoại tại thôn R, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Có mặt.

9. Lý Thị V, sinh ngày 07 tháng 6 năm 1986. Tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lý Văn T, sinh năm 1956 và bà Triệu Thị M, sinh năm 1956; Bị cáo có chồng là: Đặng Văn T, sinh năm 1989 và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/2/2018 đến ngày 05/2/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh số 09/LCĐKNCT ngày 05/2/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, hiện tại ngoại tại thôn R, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Có mặt.

10. Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1984. Tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thanh M (đã chết) và bà Nguyễn Hoài T, sinh năm 1959; Bị cáo có vợ là: Nông Thị H, sinh năm 1985 và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/2/2018 đến ngày 05/2/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh số 04/LCĐKNCT ngày 05/2/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, hiện tại ngoại tại thôn C, xã Đ, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Có mặt.

11. Trần Văn H, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1990. Tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Duy Đ, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1965; Bị cáo có vợ là: Hà Thị N, sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2011; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh số 16/LCĐKNCT ngày 23/2/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra

Công an huyện Văn Yên, hiện tại ngoại tại thôn T, xã Đ, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Có mặt.

12. Đặng Thị S, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1959. Tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn R, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn C (đã chết) và bà Chu Thị K, sinh năm 1937; Bị cáo có chồng là: Vi Xuân Đ, sinh năm 1957 và 06 con, con lớn sinh năm 1978, con nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/2/2018 đến ngày 05/2/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh số 10/LCĐKNCT ngày 05/2/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, hiện tại ngoại tại thôn R, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo* Lý Văn X; Lý Văn S; Lý Văn T; Lý Văn T; Đặng Văn T; Lý Văn Q; Lý Văn S; Lý Thị V; Đặng Thị S; Bàn Văn V theo giới thiệu của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái: Bà Hà Thị Lê – Trợ giúp viên pháp lý – Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

- Chị Bàn Thị P trú tại: Thôn K, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Vắng mặt.

- Anh Đặng Văn Đ trú tại: Thôn K, xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 02/02/2018 Đặng Văn T; Lý Văn X; Lý Văn S; Lý Văn T; Lý Văn Q đến quán nước của anh Vi Văn B (Tên thường gọi là B) ở thôn R, xã B để uống nước và chơi Bi-a. Khi đang chơi Bi-a thì X và S rủ Q, T, T đi vào lán nương của gia đình ông Đặng Văn Đ ở thôn R để đánh bạc, tất cả cùng đồng ý. Sau đó X điều khiển xe mô tô chở S, T chở Q, còn T đi một mình một xe cùng vào lán nhà ông Đ. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì đến nơi, khi đó trong lán có Lý Thị V; Lý Văn T đều trú tại thôn T, xã B và khoảng 20 người dân đi nhỗ sắn cho nhà ông Đ đang nghỉ ngơi. Khoảng 15 phút sau thì mọi người đi nhỗ sắn, trong lán chỉ còn lại X, S, Q, T, T, V và T, lúc này các đối tượng liền rủ

nhau đánh bạc. X lấy một bộ bát đĩa bằng sứ ở trên chạn bát, còn T làm 04 quân xóc cắt từ que đóm, một mặt được bôi đen, sau đó tất cả cùng nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Khi bắt đầu chơi thì X là người cầm cái xóc cho Q, T, T, S đánh bạc với nhau, còn V và T đứng xem, T lấy 05 quân bài tú lơ khơ làm vị và ngồi cầm vị, được một lúc không thấy có ai đánh vị nên T không cầm vị nữa mà tham gia đánh bạc cùng mọi người. X cầm cái được khoảng 15 phút thì chuyển cho S cầm cái, lúc này V và T cũng vào tham gia đánh bạc. Một lúc sau thì có Lý Văn S; Bàn Văn V; Nguyễn Trùng Đ; Trần Văn H; Đặng Thị S; Bàn Thị P cùng một số người nữa đến và cũng vào tham gia đánh bạc, riêng Bàn Thị P không tham gia, mà chỉ đứng xem khoảng 15 phút rồi đi bộ về trước. Đến 16 giờ cùng ngày khi các đối tượng đang đánh bạc với nhau, thì bị tổ công tác Công an huyện Văn Yên phát hiện bắt quả tang. Trong lúc bắt giữ, lợi dụng sơ hở một số đối tượng đã bỏ chạy, Tổ công tác đã bắt giữ được 07 người gồm: Đặng Văn T, Bàn Văn V, Lý Văn S, Lý Văn Q, Lý Thị V, Đặng Thị S, Nguyễn Trùng Đ và thu giữ một số vật chứng gồm: Tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành 15.710.000đ (trong đó: Thu trên chiếu bạc là 11.200.000đ, thu trên người các đối tượng: 4.510.000đ); 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân xóc được cắt bằng que đóm.

Đến ngày 12/02/2018 Lý Văn X, Lý Văn T, Lý Văn S ra đầu thú. Ngày 20/02/2018 Trần Văn H ra đầu thú. Ngày 21/3/2018 Lý Văn T ra đầu thú.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên đã làm rõ được số tiền mà các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc ngày 02/02/2018 tại thôn R, xã B, cụ thể:

Đặng Văn T mang theo 3.150.000đ để đánh bạc, đến khi bị bắt đã bỏ hết tiền xuống chiếu bạc, nên không rõ thắng hay thua.

Bàn Văn V mang theo 210.000đ tham gia đánh bạc và thắng được 900.000đ, khi bị bắt Cơ quan điều tra thu giữ trên người Văn số tiền 1.110.000đ.

Lý Văn S mang theo 500.000đ để đánh bạc và bị thua hết, S xin Lý Văn Q 200.000đ tiếp tục đánh và lại thua hết.

Lý Văn Q mang theo 1.000.000đ để đánh bạc, trong lúc chơi Q cho Lý Văn S 200.000đ. Khi bị bắt Cơ quan điều tra thu giữ trên người Q 2.000.000đ, trong đó: 1.000.000đ là tiền bỏ ra để đánh bạc, còn 1.000.000đ là tiền thắng bạc.

Lý Thị V mang theo 500.000đ để đánh bạc, quá trình đánh V thắng được 400.000đ, cho Đặng Thị S vay 100.000đ. Khi bị bắt quả tang, V bỏ 300.000đ thắng bạc xuống chiếu, còn 500.000đ cất giấu trên người bị Cơ quan điều tra thu giữ.

Đặng Thị S không mang theo tiền, khi đứng xem đã vay của Lý Thị V 100.000đ để tham gia đánh bạc và thắng được 500.000đ, S trả lại cho V 100.000đ, còn 500.000đ cất trên người bị Cơ quan điều tra thu giữ.

Nguyễn Trùng Đ có 180.000đ, tại nơi đánh bạc Trần Văn H trả cho Đ 250.000đ tiền chở xe ôm. Đ bỏ ra 30.000đ tham gia đánh bạc bị thua hết, Đ không đánh nữa và đứng ngoài xem. Khi bị bắt Cơ quan điều tra thu giữ trên người Đ 400.000đ, Đ khai không sử dụng số tiền này vào mục đích đánh bạc.

Trần Văn H mang theo khoảng 2.000.000đ để đánh bạc, quá trình đánh H thắng và trả cho Đ 250.000đ tiền chở xe ôm. Khi Cơ quan điều tra bắt quả tang, H đã chạy trốn và bỏ lại toàn bộ tiền tại chiếu bạc.

Lý Văn X mang theo 400.000đ để đánh bạc. Khi Cơ quan điều tra bắt quả tang X bỏ lại toàn bộ tiền tại chiếu bạc và chạy trốn, nên không biết thắng hay thua.

Lý Văn T mang theo 300.000đ tham gia đánh bạc và bị thua hết.

Lý Văn S có 800.000đ tham gia đánh bạc, khi Cơ quan điều tra bắt quả tang S đã bỏ chạy, để lại tại chiếu bạc khoảng 2.200.000đ gồm tiền mang đi đánh bạc và tiền thắng bạc.

Lý Văn T mang theo 40.000đ tham gia đánh bạc và bị thua hết.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKS-VY ngày 23/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã truy tố các bị cáo Đặng Văn T; Bàn Văn V; Lý Văn S; Lý Văn Q; Lý Thị V; Đặng Thị S; Nguyễn Trùng Đ; Lý Văn X; Trần Văn H; Lý Văn S; Lý Văn T; Lý Văn T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn T; Bàn Văn V; Lý Văn S; Lý Văn Q; Lý Thị V; Đặng Thị S; Nguyễn Trùng Đ; Lý Văn X; Trần Văn H; Lý Văn S; Lý Văn T; Lý Văn T phạm tội “Đánh bạc” và đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 điều 51; khoản 1, 2 điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn X và Lý Văn S từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bàn Văn V từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 điều 51; khoản 1, 2 điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn T, Lý Văn T, Trần Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; khoản 1, 2 điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T, Lý Văn Q, Lý Thị V từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn S; Đặng Thị S; Nguyễn Trùng Đ từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 15.560.000đồng thu giữ khi bắt quả tang (trong đó trên chiếu bạc là 11.200.000đồng; Bàn Văn V là 1.110.000đồng; Lý Văn Q là 2.000.000đồng; Lý Thị V là 500.000đồng; Đặng Thị S là 500.000đồng; Nguyễn Trùng Đ là 400.000đồng).

* Trả lại cho Nguyễn Trùng Đ 150.000đồng (đây là số tiền không liên quan đến vụ án).

* Các vật chứng còn lại không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy gồm có:

01 chiếc bát con (loại bát ăn cơm) bằng sứ màu trắng

01 chiếc đĩa bằng sứ màu trắng có đường kính khoảng 15cm

04 quân vị hình chữ nhật được cắt từ que đóm.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Đặng Văn T; Lý Văn S; Lý Văn Q; Lý Thị V; Đặng Thị S; Lý Văn X; Lý Văn S; Lý Văn T; Lý Văn T; Bàn Văn V nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã rõ ràng. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do nhận thức pháp luật còn hạn chế. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi vụ việc bị phát hiện các bị cáo Lý Văn X; Lý Văn S; Lý Văn T; Lý Văn T đã ra đầu thú trước pháp luật. Các bị cáo sống tại địa phương tham gia đầy đủ các nghĩa vụ của một công dân; các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự gì và có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo Đặng Văn T, Lý Văn S; Lý Văn Q; Bàn Văn V thuộc diện hộ nghèo. Các bị cáo Lý Văn T; Lý Thị V; Đặng Thị S; Lý Văn X; Lý Văn S; Lý Văn T tuy không phải hộ nghèo nhưng điều kiện hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, việc làm thì không ổn định. Từ những căn cứ nêu trên tôi đề nghị HĐXX. Áp dụng các quy định của pháp luật xử phạt các bị cáo như sau:

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 điều 51; khoản 1, 2 điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn X và Lý Văn S 09 tháng tù cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bàn Văn V 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 điều 51; khoản 1, 2 điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn T, Lý Văn Ti 06 tháng tù cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; khoản 1, 2 điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn T, Lý Văn Q, Lý Thị V 06 tháng tù cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lý Văn S; Đặng Thị S 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo nhất trí lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý. Các bị cáo không tranh luận gì thêm. Kính mong Hội đồng xét xử, xử phạt các bị cáo ở mức thấp nhất.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an và Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập.

[3] Đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 16 giờ ngày 02/2/2018 Đặng Văn T; Bàn Văn V; Lý Văn S; Lý Văn Q; Lý Thị V; Đặng Thị S; Nguyễn Trùng Đ; Lý Văn X; Trần Văn H; Lý Văn S; Lý Văn T; Lý Văn Ti đang cùng nhau đánh bạc bằng

hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền thì bị Công an huyện Văn Yên bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm có: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân sóc làm từ que đóm và 15.710.000đồng (Mười năm triệu bảy trăm mười ngàn đồng) là tiền của các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Đối với Lý Văn X và Lý Văn S là những người khởi xướng, rủ rê, chuẩn bị công cụ và trực tiếp cầm cái xóc cho các đối tượng khác đánh bạc. Vì vậy X và S phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò chính trong vụ án.

Đối với Lý Văn T có hành vi chuẩn bị quân vị và ngồi cầm vị để mọi người đánh bạc và cùng tham gia đánh bạc. Vì vậy T phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò thứ hai trong vụ án.

Các bị cáo Bàn Văn V; Đặng Văn T; Lý Văn S; Lý Văn Q; Lý Thị V; Đặng Thị S; Nguyễn Trùng Đ; Trần Văn H; Lý Văn Ti đã có hành vi tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là: 15.560.000đồng. Do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm trong vụ án về hành vi phạm tội của mình.

Từ những phân tích trên đã đủ cơ sở kết luận các bị cáo: Đặng Văn T; Bàn Văn V; Lý Văn S; Lý Văn Q; Lý Thị V; Đặng Thị S; Nguyễn Trùng Đ; Lý Văn X; Trần Văn H; Lý Văn S; Lý Văn T; Lý Văn Ti phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, có nguy cơ đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Mặc dù nhận thức rõ hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện, mục đích nhằm chiếm đoạt tiền bạc, tài sản của nhau để thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo Đặng Văn T; Bàn Văn V; Lý Văn S; Lý Văn Q; Lý Thị V; Đặng Thị S; Nguyễn Trùng Đ; Lý Văn X; Trần Văn H; Lý Văn S; Lý Văn T; Lý Văn Ti là những người chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt nhưng các bị cáo không kìm chế được bản thân mà lao vào con đường phạm tội. Đây thể hiện sự coi thường pháp luật và ý thức rèn luyện bản thân của các bị cáo là rất kém. Do vậy cần phải có mức án phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội mà từng bị cáo đã gây ra.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên toà hôm nay các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự mà các bị cáo được hưởng.

Các bị cáo Lý Văn X; Lý Văn S; Lý Văn T; Lý Văn Ti; Trần Văn H sau khi phạm tội đã ra đầu thú tại Công an huyện Văn Yên nên năm bị cáo này được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy cần phải có mức án phù hợp với các bị cáo:

Các bị cáo Lý Văn X; Lý Văn S là người khởi xướng, rủ rê và chuẩn bị công cụ và cầm cái xóc đĩa để đánh bạc nên hai bị cáo này phải chịu trách nhiệm hình sự chính với vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo Lý Văn T có hành vi chuẩn bị quân vị và ngồi cầm vị để mọi người đánh bạc và cùng tham gia đánh bạc, do vậy bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò thứ hai trong vụ án. Ba bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng có thể giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với người phạm tội.

Đối với Bàn Văn V sử dụng 210.000đồng để đánh bạc cùng các bị cáo. Bị cáo là đồng phạm trong vụ án và là người phạm tội có vị trí, vai trò thứ yếu không đáng kể trong vụ án. Trong khi áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo đã không chấp hành và đã bỏ trốn khỏi địa phương. Cơ quan điều tra đã bắt bị cáo theo Lệnh truy nã. Để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung. Do vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội và đáp ứng được yêu cầu đấu tranh với tội phạm trong giai đoạn hiện nay.

Bị cáo Đặng Văn T sử dụng 3.150.000đồng; Lý Văn Q sử dụng 1.000.000đồng; Trần Văn H sử dụng 2.000.000đồng; Lý Văn S sử dụng 500.000đồng; Lý Thị V sử dụng 500.000đồng; Đặng Thị S sử dụng 100.000đồng; Nguyễn Trùng Đ sử dụng 30.000đồng; Lý Văn T sử dụng 40.000đồng để đánh bạc. Các bị cáo là đồng phạm và đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Các bị cáo S; V; S; Đ; Ti là người phạm tội có vị trí, vai trò thứ yếu không đáng kể trong vụ án. Xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng có thể giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với người phạm tội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh tại địa phương thấy rằng các bị cáo Đặng Văn T; Lý Văn S; Lý Văn Q; Bàn Văn V gia đình thuộc diện hộ

nghèo trong xã. Các bị cáo Lý Văn X; Lý Văn S; Lý Văn T; Lý Văn Ti; Lý Thị V; Nguyễn Trùng Đ; Trần Văn H; Đặng Thị S không có việc làm và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với 12 bị cáo và miễn việc khấu trừ một phần thu nhập sung quỹ Nhà nước cho các bị cáo đủ điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

[9] Ngoài ra theo lời khai của các bị cáo Do không biết tên, tuổi, địa chỉ của những đối tượng này, nên Cơ quan điều tra không có đủ cơ sở để xác minh, xử lý và không xác định được số tiền những đối tượng này đã sử dụng để đánh bạc là bao nhiêu, thắng thua như thế nào.

[10] Đối với Bàn Thị P ngày 02/02/2018 đã có mặt tại nơi đánh bạc, nhưng P chỉ đứng ngoài xem chứ không tham gia đánh bạc, nên Cơ quan điều tra không đề cập việc xử lý là phù hợp.

[11] Đối với ông Đặng Văn Đ đã để cho các đối tượng đánh bạc tại lán nường của gia đình mình, nhưng do ông Đ không biết việc các đối tượng đánh bạc tại lán nường của gia đình ông. Nên Cơ quan điều tra không xem xét đến trách nhiệm hình sự đối với ông Đ là đúng quy định của pháp luật.

[12] Về vật chứng của vụ án:

* Đối với số tiền 15.710.000đồng thu giữ khi bắt quả tang (trong đó trên chiếu bạc là 11.200.000đồng; Bàn Văn V là 1.110.000đồng; Lý Văn Q là 2.000.000đồng; Lý Thị V là 500.000đồng; Đặng Thị S là 500.000đồng; Nguyễn Trùng Đ là 400.000đồng). Số tiền 15.560.000đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

* Trả lại cho Nguyễn Trùng Đ 150.000đồng (đây là số tiền không liên quan đến vụ án).

* Các vật chứng là công cụ phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy gồm có:

01 chiếc bát con (loại bát ăn cơm) bằng sứ màu trắng

01 chiếc đĩa bằng sứ màu trắng có đường kính khoảng 15cm

04 quân vị hình chữ nhật được cắt từ que đóm.

[12] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Đối với các bị cáo Lý Văn X; Lý Văn S; Lý Văn T: Căn cứ vào khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1; 2 điều 51; khoản 1, 2 điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Đối với các bị cáo Bàn Văn V: Căn cứ vào khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với các bị cáo Lý Văn Q; Đặng Văn T; Lý Văn S; Lý Thị V; Nguyễn Trùng Đ; Đặng Thị S: Căn cứ vào khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 điều 51; khoản 1, 2 điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Đối với các bị cáo Lý Văn Ti; Trần Văn H: Căn cứ vào khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1; 2 điều 51; 36 Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 điều 106; 136; 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Căn cứ điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn T; Lý Văn S; Lý Văn Q; Lý Thị V; Đặng Thị S; Nguyễn Trùng Đ; Lý Văn X; Trần Văn H; Lý Văn S; Lý Văn Ti; Lý Văn Ti; Bàn Văn V phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

* Xử phạt bị cáo Lý Văn X 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng. Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lý Văn X cho uỷ ban nhân dân xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái cùng gia đình giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Lý Văn X thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

* Xử phạt bị cáo Lý Văn S 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng. Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lý Văn S cho uỷ ban nhân dân xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái cùng gia đình giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Lý Văn S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

* Xử phạt bị cáo Lý Văn T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm. Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lý Văn T cho uỷ ban nhân dân xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái cùng gia đình giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Lý Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

* Xử phạt bị cáo Lý Văn Q 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng. Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lý Văn Q cho uỷ ban nhân dân xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái cùng gia đình giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Lý Văn Q thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

* Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng. Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đặng Văn T cho uỷ ban nhân dân xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái cùng gia đình giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Đặng Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

* Xử phạt bị cáo Bàn Văn V 06 (sáu) tháng tù. Được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (02/2/2018 đến ngày 05/2/2018). Bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 27 (hai bảy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/4/2018.

* Xử phạt bị cáo Lý Văn S 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng. Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lý Văn S cho uỷ ban nhân dân xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái cùng gia đình giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Lý Văn S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

* Xử phạt bị cáo Lý Thị V 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng. Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lý Thị V cho uỷ ban nhân dân xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái cùng gia đình giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Lý Thị V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

* Xử phạt bị cáo Đặng Thị S 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng. Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đặng Thị S cho uỷ ban nhân dân xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái cùng gia đình giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Đặng Thị S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

* Xử phạt bị cáo Nguyễn Trùng Đ 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng. Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Trùng Đ cho uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái cùng gia đình giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Nguyễn Trùng Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

* Xử phạt bị cáo Trần Văn H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

* Xử phạt bị cáo Lý Văn Ti 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ của bị cáo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã B, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về vật chứng vụ án:

* Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 15.560.000đồng thu giữ khi bắt quả tang (trong đó trên chiếu bạc là 11.200.000đồng; Bàn Văn V là 1.110.000đồng; Lý Văn Q là 2.000.000đồng; Lý Thị V là 500.000đồng; Đặng Thị S là 500.000đồng; Nguyễn Trùng Đ là 400.000đồng).

* Trả lại cho Nguyễn Trùng Đ 150.000đồng (đây là số tiền không liên quan đến vụ án) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

* Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm có:

01 chiếc bát con (loại bát ăn cơm) bằng sứ màu trắng

01 chiếc đĩa bằng sứ màu trắng có đường kính khoảng 15cm

04 quân vị hình chữ nhật được cắt từ que đóm.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

4. Về án phí: Các bị cáo Đặng Văn T; Lý Văn S; Lý Văn Q; Lý Thị V; Đặng Thị S; Nguyễn Trùng Đ; Lý Văn X; Trần Văn H; Lý Văn S; Lý Văn T; Lý Văn Ti; Bàn Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí HSST.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- Công an huyện Văn Yên;
- VKSND huyện Văn Yên;
- VKS nhân dân tỉnh Yên Bái;
- THADS huyện Văn Yên;
- THA phạt tù;
- Các Bị cáo;
- Người bào chữa;
- UBND xã B;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS – TA.

Chu Thị Thoảng